

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 26 - 3 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Liêm;
2. Bà Võ Thị Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Võ Thanh Tr Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018; Thông báo thụ lý bổ sung vụ án số: 397A/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1964;
2. Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B: Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1957 - Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2018 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Nhật Tr, sinh năm: 1986 (Có mặt);
2. Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm: 1986 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Th; đồng thời, bà Th đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B trình bày:* Bà là cô

ruột của anh Trần Nhật Tr, chị Nguyễn Thị Bích C là vợ anh Tr; vào năm 2011 đến năm 2012, ông bà cho vợ chồng anh Tr vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 205.000.000đ (Hai trăm lĩ năm triệu đồng) cụ thể như sau:

Lần thứ I: Ngày 20/7/2011, vợ chồng anh Tr vay số tiền 45.000.000đ để đóng thủy lợi phí cho Tập đoàn; anh Tr viết biên nhận không ghi ngày tháng năm; lãi suất 05%/tháng, anh Tr trả lãi được khoảng 02 năm thì không trả nữa;

Lần thứ II: Ngày 18/9/2012, ông bà cho vợ chồng anh Tr vay số tiền 150.000.000đ để anh Tr mua ống bơm nước, vét đường nước, sửa máy bơm nước, anh Tr viết biên nhận ngày 24/9/2015; tiền lãi thỏa thuận trả theo mùa, mùa Đông Xuân trả lãi 30.000.000đ, mùa Hè Thu trả lãi 10.000.000đ; vợ chồng anh Tr trả lãi được 03 năm (2012, 2013, 2014) đến năm 2015 không trả nữa;

Lần thứ III: Ngày 09/10/2012, vợ chồng anh Tr vay số tiền 10.000.000đ để đóng tiền điện chạy máy bơm nước; anh Tr viết biên nhận không ghi ngày tháng năm; lãi suất 05%/tháng, anh Tr trả lãi được vài tháng (bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu tháng) thì không trả nữa.

Mỗi lần vay tiền chị C đều không có mặt, chỉ có anh Tr là người trực tiếp nhận tiền vay và viết biên nhận; nhưng bà biết chị C đã thống nhất để anh Tr đi vay tiền; từ năm 2015 đến nay thì vợ chồng anh Tr, chị C không có trả tiền gốc và lãi cho ông bà.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Tr, chị C liên đới trả số tiền vay còn thiếu (gốc) là 205.000.000đ (Hai trăm lĩ năm triệu đồng); về lãi suất thì yêu cầu tính theo lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi cụ thể như sau: Đối với số tiền 150.000.000đ tính lãi kể từ ngày 24/9/2015 đến ngày Tòa án xét xử; số tiền 45.000.000đ tính lãi kể từ ngày 29/9/2016 ngày UBND xã Bình Tấn hòa giải đến ngày Tòa án xét xử; riêng số tiền 10.000.000đ thì không yêu cầu tính lãi.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Nhật Tr trình bày:* Bà Trần Thị Th là cô ruột của anh; nên anh đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng bà Th, tổng cộng là 205.000.000đ (Hai trăm lĩ năm triệu đồng) cụ thể như sau:

Lần thứ I: Anh vay số tiền 45.000.000đ, không nhớ vay thời gian nào, nhưng anh có viết biên nhận cho bà Th; đối với số tiền này anh đã trả cho bà Th 2 lần số tiền gốc (mỗi lần 10.000.000đ) thành tiền là 20.000.000đ, khi trả anh không có làm biên nhận.

Lần thứ II: Anh vay số tiền 150.000.000đ, không nhớ vay thời gian nào, nhưng sau đó anh có viết biên nhận ghi ngày 24/9/2015 cho bà Th lưu giữ.

Lần thứ III: Anh vay số tiền 10.000.000đ không nhớ vay thời gian nào, nhưng anh có viết biên nhận cho bà Th; đối với số tiền này anh đã trả cho bà Th xong rồi, nhưng anh không nhớ trả vào thời gian nào và khi trả không có làm biên nhận, anh cũng không có lấy lại biên nhận do bà Th lưu giữ.

Do đó, hiện nay anh còn thiếu bà Th tổng cộng là 175.000.000đ; số tiền vay anh dùng cho mục đích cá nhân như cá độ bóng đá, đá gà. Trong thời gian vay anh đã nhiều lần trả lãi cho bà Th, nhưng không nhớ trả mức lãi suất bao nhiêu, thời gian trả và số tiền mỗi lần trả bao nhiêu anh không nhớ; hiện nay anh chỉ nhớ đã trả cho bà Th được 02 năm tiền lãi khoảng 100.000.000đ; việc anh trả tiền lãi

không có làm giấy tờ; đến năm 2016, do anh thiếu nợ nhiều người nên không có khả năng trả tiền lãi cho bà Th. Hiện nay anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền lãi mà anh đã trả cho bà Th trong thời gian qua; đối với số tiền anh thiếu bà Th hiện nay chị C không biết và anh xác định đây là nợ cá nhân của anh.

Hiện nay anh không thống nhất yêu cầu của bà Th, ông B về việc yêu cầu chị C liên đới trả số tiền vay do anh còn thiếu gốc và lãi; vì đây là khoảng nợ riêng của anh không có liên quan đến chị C; về lãi suất hiện nay anh không có khả năng nộp lãi, nên yêu cầu vợ chồng bà Th không tính.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:* Chị và anh Tr chung sống với nhau từ năm 2006; trong quá trình chung sống, chị đã nhiều lần yêu cầu ly hôn, do anh Tr chơi bời cờ bạc thiếu nợ nhiều người; nhưng vì thương con và gia đình hai bên động viên nên đến nay chị vẫn chung sống với anh Tr. Về chi phí sinh hoạt trong gia đình chị và anh Tr mỗi người tự lo, chị làm thợ may nên thu nhập đủ sinh sống và nuôi con. Đối với số tiền vay của bà Th, ông B thì chị hoàn toàn không biết, vào năm 2015 bà Th có gặp chị và yêu cầu chị ký tên vào biên nhận tiền của anh Tr nhưng chị không thống nhất ký tên, thì chị mới biết việc vay tiền giữa các bên.

Hiện nay, chị không thống nhất yêu cầu của bà Th, ông B về việc yêu cầu chị liên đới trả số tiền vay 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền lãi cho bà Th, ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích C, nhưng chị C đã có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích C là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa bà Th, ông B với anh Tr, chị C làm phát sinh quan hệ về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai nhận của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của các đương sự, có đủ cơ sở xác định:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Th chỉ yêu cầu cá nhân anh Trần Nhật Tr chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền gốc và lãi còn thiếu, bà không có yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích C chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi của anh Tr thiếu vợ chồng bà, vì chị C không có liên quan số tiền này. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của bà Th là có lợi cho phía bị đơn (chị C) và phù hợp theo quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc bà Th, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Nhật Tr trả cho ông bà số tiền vay còn thiếu (gốc) là 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Vì theo các biên nhận (3 biên nhận) do bà Th giao nộp cho Tòa án đều được anh Tr thừa nhận do tự tay anh viết và ký tên để vay của bà Th, ông B tổng số tiền 205.000.000đ với lãi suất theo thỏa thuận là đúng sự thật.

Tuy nhiên, anh Tr khai nại rằng đối với số tiền vay 45.000.000đ (vay lần thứ 1) thì anh đã trả cho bà Th tiền gốc là 20.000.000đ; và đối với số tiền vay 10.000.000đ (vay lần thứ 3) thì anh đã trả cho bà Th xong. Nhưng việc khai nại của anh Tr không được bà Th thừa nhận; đồng thời, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay anh Tr cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc trả số tiền gốc nêu trên; do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời khai nại của anh Tr là phù hợp theo quy định pháp luật.

Từ phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở buộc anh Tr trả cho ông B, bà Th số tiền vay (gốc) còn thiếu 205.000.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về lãi suất, tại phiên tòa bà Th thống nhất yêu cầu anh Tr trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 0,75%/tháng; thời gian tính lãi đối với số tiền 150.000.000đ tính lãi kể từ ngày 24/9/2015 đến ngày Tòa án xét xử; số tiền 45.000.000đ tính lãi kể từ ngày 29/9/2016 ngày UBND xã Bình Tấn hòa giải đến ngày Tòa án xét xử; riêng số tiền 10.000.000đ thì không yêu cầu tính lãi; đồng thời, bà Th tự nguyện sau khi tính lãi sẽ giảm bớt cho anh Tr số tiền 10.000.000đ. Tại phiên tòa, anh Tr cũng thống nhất trả lãi cho ông B, bà Th theo mức lãi suất và thời gian bà Th đã yêu cầu trên; do đó, xét thấy mức lãi suất và thời gian tính lãi các bên đã thỏa thuận là phù hợp theo quy định pháp luật và tại Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được Hội đồng xét chấp nhận; vì vậy, số tiền lãi anh Tr phải trả được tính cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 150.000.000đ, tính lãi kể từ ngày ghi trên biên nhận là ngày 24/9/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 26/3/2019; thời gian là 42 tháng 02 ngày (tương ứng 1.262 ngày) được tính: $150.000.000đ \times 0,75\% : 30 \text{ ngày} \times 1.262 \text{ ngày} = 47.325.000đ$;

- Đối với số tiền 45.000.000đ, tính lãi kể từ ngày UBND xã Bình Tấn hòa giải là ngày 29/9/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 26/3/2019; thời gian là 29 tháng 26 ngày (tương ứng 896 ngày) được tính: $45.000.000đ \times 0,75\% : 30 \text{ ngày} \times 896 \text{ ngày} = 10.080.000đ$.

Như vậy tiền lãi tổng cộng là $47.325.000đ + 10.080.000đ = 57.405.000đ$; bà Th tự nguyện giảm bớt cho anh Tr 10.000.000đ, vì vậy còn 47.405.000đ (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) là số tiền lãi anh Tr phải trả.

Riêng đối với số tiền vay 10.000.000đ, hiện nay bà Th, ông B không có yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với số tiền lãi do anh Tr đã trả cho bà Th, ông B trong thời gian qua; hiện nay anh Tr không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà Th; buộc anh Trần Nhật Tr trả cho ông B, bà Th số tiền vay còn thiếu (gốc) là 205.000.000đ và tiền lãi 47.405.000đ; tổng cộng gốc và lãi là 252.405.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 305, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 305, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Văn B đối với anh Trần Nhật Tr.

Buộc anh Trần Nhật Tr có nghĩa vụ trả cho bà Th, ông B số tiền vay còn thiếu (gốc) là 205.000.000đ và tiền lãi 47.405.000đ; tổng cộng gốc và lãi là 252.405.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Th, ông B có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Tr chưa thi hành xong số tiền trên; thì hàng tháng anh Tr phải chịu lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Nhật Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.620.000đ (Mười hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nên được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí tổng cộng là 6.970.000đ (Sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001878 ngày 24 tháng 7 năm 2018 và biên lai thu số 0004380 ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Bích C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (bản sao) bản án hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Th;
- Các đương sự;
- Lưu VP-TA và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thành Triều